

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 109/2018/ HS-ST

Ngày 31 - 07 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Toàn

Bà Đặng Thị Việt Hoài

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên
tòa:*** Ông Trần Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày 14/6/1975; tại T; Nơi cư trú: Thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: Lê Văn T, sinh năm 1938; được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì; Con bà: Lê Thị N, sinh năm 1942; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 9 năm 1994 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam tại Đại đội 6, Trung đoàn PK 591, Lữ đoàn 378 đến ngày 27/7/1996 xuất ngũ về địa phương, lao động tự do; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 12/4/2018 đến ngày 18/4/2018 chuyển tạm giam; (Có mặt).

*** Người chứng kiến:**

- Ông Trịnh Trung H, sinh năm 1952; Trú tại: Thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T. (Vắng mặt).
- Anh Hoàng Xuân Tr, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 12/4/2018, Lê Văn T đi xe đạp mini màu đỏ từ nhà đến khu vực C, phường Q, thành phố T, tỉnh T mục đích mua ma túy là heroine để bán kiếm lời. Tại đây, T đã gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi không biết tên và địa chỉ 400.000 đồng được 01 gói heroine bên ngoài được gói bằng giấy tráng kim màu trắng. Sau đó T cầm gói ma túy vừa mua được về nhà. Lúc này thấy nhà không còn người nào khác, T dùng tay chia gói ma túy đã mua thành 04 phần, sau đó dùng giấy trắng (xé từ tờ lịch) gói 01 phần cất tại đầu giường trong phòng ngủ của T và xé giấy tráng kim (của gói ma túy mua được) thành 03 phần để gói 03 phần ma túy còn lại cất giấu trong túi quần bên trái phía trước đang mặc. Khoảng 08 giờ 15 phút cùng ngày, T đi xe đạp mini đỏ và mang theo 03 gói ma túy trong túi quần bên trái đi tìm người mua để bán. Khi đi đến khu vực đường liên thôn thuộc thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh T, T bị tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy , Công an tỉnh T phát hiện yêu cầu T về trụ sở Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T để làm việc. Trước sự chứng kiến của ông Trịnh Trung H, sinh năm 1952; Trú tại: Thôn B, xã V, thành phố T và anh Hoàng Xuân Tr, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn P, xã V, thành phố T, T tự giác lấy từ túi quần bên trái phía trước đang mặc giao nộp cho tổ công tác 03 gói ma túy đều được gói bằng giấy tráng kim màu trắng (T khai nhận là heroine mang đi để bán trái phép kiếm lời nhưng chưa bán được cho ai thì bị cơ quan Công an phát hiện) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ. Tổ công tác mở kiểm tra bên trong 03 gói đều chứa chất bột dạng cục, sau đó niêm phong ký hiệu M1. Kiểm tra người và xe đạp của T không phát hiện thu giữ gì khác. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản niêm phong vật chứng, tài liệu bị tạm giữ để điều tra làm rõ.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh T tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn T tại thôn B, xã V, thành phố T, tỉnh T. Lê Văn T đã tự nguyện lấy từ đầu giường trong phòng ngủ của T ra giao nộp 01 gói ma túy bên

ngoài được gói bằng giấy màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, T khai nhận đó là heroine, T mua về để bán trái phép kiếm lời (niêm phong và ký hiệu là M2).

Tại kết luận giám định số 125/KLGD - PC54 ngày 12/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Bình kết luận: “*Mẫu M1 gửi giám định thu là ma túy, loại heroine, có trọng lượng 0,2470 gam; Mẫu M2 gửi giám định là ma túy, loại heroine, có khối lượng 0,1199 gam*”.

Cáo trạng số 108/KSĐT ngày 04/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T khai: Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 12/4/2018, tại khu vực đường liên thôn thuộc thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh T, Lê Văn T có hành vi tàng trữ trái phép trên người 03 gói ma túy, loại heroine, có khối lượng 0,2470 gam với mục đích để bán kiếm lời đã bị tổ công tác cơ quan Công an tỉnh T phát hiện bắt quả tang. Ngoài ra, Lê Văn T còn tàng trữ trái phép tại chỗ ở 01 gói ma túy, loại heroine, có khối lượng 0,1199 gam với mục đích để bán trái phép kiếm lời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 5 - Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2018.

3. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lê Văn T số tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định; Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen và 01 chiếc xe đạp mini màu đỏ của đã qua sử dụng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo Thi hành án.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T đã thành khẩn nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản xác định địa điểm, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét về hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại cuộc đấu tranh quyết liệt mà Nhà nước và nhân dân ta đang nhằm đẩy lùi, loại bỏ tệ nạn ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí tuệ con người, mà còn là nguồn gốc phát sinh hàng loạt tội phạm trong xã hội và là nguyên nhân làm lan truyền đại dịch HIV-AIDS. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện tội phạm nhưng vẫn cố ý phạm tội. Như vậy hành vi của bị cáo Lê Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015.

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Mua bán với 02 người trở lên;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

đ) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

e) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi;

- g) Qua biên giới;
- h) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cô ca có khối lượng từ 500 gam đến 01 kiloogam;
- i) Hêrôin, Cocaine, Methamphetamin, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến 30 gam;
- k) Lá cây coca; lá khát (lá cây *Catha edulis*); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 10 kilogam đến dưới 25 kilogam;
- l) Quả thuốc phiện khô có khối lượng từ 50 kilogam đến dưới 200 kilogam;
- m) Quả thuốc phiện tươi có khối lượng từ 10 kilogam đến dưới 100 gam;
- n) Các chất ma túy khác ở thể rắn có khối lượng từ 20 gam đến dưới 100 gam;
- o) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 100 mililit đến dưới 250 mililit
- p) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này;
- q) Tái phạm nguy hiểm.

.....

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T khai báo thành khẩn nên được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ, ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Lê Văn Thụ được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì và bản thân bị cáo đã có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam tại Đại đội 6, Trung đoàn PK 591, Lữ đoàn 378, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục và phòng chống tội phạm chung.

[4] Tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Xét thấy bị cáo Lê Văn T thực hiện phạm tội mục đích bán ma túy để kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 xe đạp mini màu đỏ đã qua sử dụng của Lê Văn T, trong quá trình lấy lời khai T khai không liên quan vào việc mua bán ma túy, vì vậy cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo Thi hành án.

[6] Về các vấn đề khác: Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo khai mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi không biết tên và địa chỉ tại khu vực Cống trắng, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Văn T có quyền kháng cáo đối với bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 12/4/2018.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lê Văn T 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong phong bì số 108/KLGD-PC54 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

3.2. Tuyên trả lại bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen và 01 xe đạp mini màu đỏ đã qua sử dụng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo Thi hành án.

(Các vật chứng trên có đặc điểm mô tả như trong biên lai thu tiền số 0001253 và biên bản giao nhận vật chứng đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 04/7/2018).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/7/2018).

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- CQTHSHS CATP Thái Bình;
- CQCSDT CATP Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền